

Số: 1081/QĐ-UBND

Thái Bình, ngày 04 tháng 7 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công khai số liệu, thuyết minh tình hình thực hiện
dự toán ngân sách nhà nước 6 tháng năm 2024

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THÁI BÌNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách nhà nước đối với các cấp ngân sách;

Theo đề nghị của Sở Tài chính (Văn bản số 1813/STC-QLNS ngày 02/7/2024).

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu, thuyết minh tình hình thực hiện dự toán ngân sách địa phương 6 tháng năm 2024 theo các biểu đính kèm.

Điều 2. Sở Tài chính chịu trách nhiệm toàn diện trước Ủy ban nhân dân tỉnh, các cơ quan thanh tra, kiểm tra và các cơ quan có liên quan về tính chính xác của các nội dung và số liệu báo cáo, đề xuất, bảo đảm đúng quy định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Tài chính; Thủ trưởng các sở, ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thành phố; Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Tài chính;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Công thông tin điện tử tỉnh;
- LĐVP UBND tỉnh;
- Lưu VT, KTTC

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Quang Hưng



CÂN ĐO NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG 6 THÁNG NĂM 2024
(Kèm theo Quyết định số 1081/QĐ-UBND ngày 07/7/2024 của UBND tỉnh)

Đơn vị: triệu đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM	ƯỚC THỰC HIỆN 6 THÁNG	SO SÁNH ƯỚC THỰC HIỆN VỚI (%)	
				DỰ TOÁN NĂM	CÙNG KỶ NĂM TRƯỚC
A	B	1	2	3=2/1	4
	TỔNG THU NSNN	19.495.871	13.924.935	71,4	106,3
A	TỔNG THU NSDP	17.872.631	13.306.055	74,4	110,5
I	Thu NSNN trên địa bàn	9.878.143	5.020.203	50,8	113,4
1	Thu nội địa	8.608.143	4.530.203	52,6	135,8
2	Thu từ dầu thô				
3	Thu từ hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu	1.270.000	490.000	38,6	54,2
4	Thu viện trợ				
II	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang		4.008.718		
III	Trợ cấp NSTW	9.617.728	4.807.325	50,0	
IV	Thu kết dư ngân sách		50.825		
V	Thu ngân sách cấp dưới nộp lên		4.796		
VI	Tạm thu ngân sách nhà nước		8.768		
VII	Thu từ các khoản cho vay của NN		300		
VIII	Các khoản ghi thu trên địa bàn		24.000		
B	TỔNG CHI NSDP	17.882.931	8.243.114	46	104
I	Chi cân đối NSDP	17.606.530	8.135.807	46	104
1	Chi đầu tư phát triển	5.085.954	3.331.401	66	88
2	Chi thường xuyên	12.224.442	4.798.259	39	123
3	Chi trả nợ lãi các khoản do chính quyền địa phương vay	4.100	551		
4	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	1.450			
5	Chi trả nợ gốc		800		
6	Chi nộp ngân sách cấp trên		4.796		
7	Dự phòng ngân sách	290.584			
II	Chi chương trình mục tiêu quốc gia	276.401			
III	Các khoản ghi chi trên địa bàn		24.000		
C	BỘI CHI NSDP/BỘI THU NSDP				
D	CHI TRẢ NỢ GỐC				
E	CHI TẠM ỨNG		83.307		



ƯỚC THỰC HIỆN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC 6 THÁNG NĂM 2024

(Kèm theo Quyết định số 1081/QĐ-UBND ngày 04/7/2024 của UBND tỉnh)

Đơn vị: triệu đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM	ƯỚC THỰC HIỆN 6 THÁNG	SO SÁNH ƯỚC THỰC HIỆN VỚI (%)	
				DỰ TOÁN NĂM	CÙNG KỲ NĂM TRƯỚC
A	B	1	2	3=2/1	4
A	TỔNG THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN	9.878.143	5.020.203	50,8	113,4
I	Thu nội địa	8.608.143	4.530.203	52,6	135,8
1	Thu từ khu vực DNNN	815.000	465.455	57,1	97,7
2	Thu từ khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	120.000	99.930	83,3	119,1
3	Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh	2.092.000	1.063.496	50,8	114,4
4	Thuế thu nhập cá nhân	300.000	247.699	82,6	141,9
5	Thuế bảo vệ môi trường	510.000	120.689	23,7	60,1
6	Lệ phí trước bạ	355.000	186.745	52,6	105,8
7	Thu phí, lệ phí	106.000	62.555	59,0	110,7
8	Các khoản thu về nhà, đất	3.990.000	1.999.268	50,1	176,6
-	Thuế sử dụng đất nông nghiệp	-	-	-	-
-	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	30.000	14.993	50,0	117,2
-	Thu tiền sử dụng đất	3.720.000	1.866.723	50,2	213,8
-	Tiền cho thuê đất, thuê mặt nước	240.000	99.386	41,4	77,0
-	Tiền cho thuê và tiền bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước	-	18.166	-	-
9	Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản	30.000	71.121	237,1	754,0
10	Thu cổ tức, lợi nhuận sau thuế	8.000	0,0	0,0	-
11	Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết	90.000	32.460	36,1	66,5
12	Thu từ quỹ đất công ích, hoa lợi công sản khác	10.000	15.710	157,1	117,1
13	Thu khác ngân sách	150.000	134.560	89,7	89,0
14	Thu hồi từ cổ phần hoá, thoái vốn, người nghèo trả chậm	30.143	30.143	100,0	-
15	Thu tiền sử dụng khu vực biển	2.000	372	-	-
II	Thu từ dầu thô	-	-	-	-
III	Thu từ hoạt động xuất nhập khẩu	1.270.000	490.000	38,6	54,2
IV	Thu viện trợ	-	-	-	-
B	THU NSDP ĐƯỢC HƯỞNG THEO PHÂN CẤP	8.254.903	4.406.119	53,4	-
1	Từ các khoản thu phân chia	2.840.680	1.625.995	-	-
2	Các khoản thu NSDP được hưởng 100%	5.414.223	2.780.124	-	-



ƯỚC THỰC HIỆN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG 6 THÁNG NĂM 2024

(Kèm theo Quyết định số 1081/QĐ-UBND ngày 04/7/2024 của UBND tỉnh)

Đơn vị: triệu đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM	ƯỚC THỰC HIỆN 6 THÁNG	SO SÁNH ƯỚC THỰC HIỆN VỚI (%)	
				DT NĂM	CÙNG KỲ NĂM TRƯỚC
A	B	1	2	3=2/1	4
	TỔNG CHI NSDP	17.882.931	8.243.114	46	104
A	CHI CÂN ĐỐI NSDP	17.606.530	8.135.807	46	104
I	Chi đầu tư phát triển	5.085.954	3.331.401	66	88
1	Chi đầu tư cho các dự án	5.085.954	3.331.401	66	88
2	Chi đầu tư và hỗ trợ vốn cho các doanh nghiệp hoạt động công ích				
II	Chi thường xuyên	12.224.442	4.798.259	39	123
	<i>Tỷ trọng</i>	<i>69,4</i>	<i>59,0</i>		
1	Chi sự nghiệp giáo dục và đào tạo	4.886.141	1.984.570	41	119
2	Chi sự nghiệp y tế, dân số KHHGD	932.304	408.009	44	120
3	Chi sự nghiệp khoa học công nghệ	35.571	17.145	48	112
4	Chi sự nghiệp văn hóa TT.TT & DL	163.136	65.414	40	103
5	Chi SN phát thanh truyền hình	63.951	26.217	41	136
6	Chi đảm bảo xã hội	2.029.177	663.499	33	109
7	Chi sự nghiệp kinh tế	1.129.015	363.342	32	146
8	Chi sự nghiệp tài nguyên và môi trường	542.424	66.285	12	149
9	Chi quản lý hành chính	1.987.939	995.907	50	123
10	Chi trợ giá	15.500	6.000	39	103
11	Chi khác ngân sách	66.961	8.028	12	123
III	Chi trả nợ lãi các khoản do chính quyền địa phương vay	4.100	551		
IV	Dự phòng ngân sách	290.584			
V	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	1.450			
VI	Chi trả nợ gốc		800		
VII	Chi nộp ngân sách cấp trên		4.796		
B	BỘI CHI NSDP	71.900			
C	CHI CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA	276.401			
D	CÁC KHOẢN GHI CHI TRÊN ĐỊA BÀN		24.000		
E	CHI TẠM ỨNG		83.307		



**THUYẾT MINH TÌNH HÌNH THỰC HIỆN DỰ TOÁN
NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC 6 THÁNG NĂM 2024**

(Kèm theo Quyết định số 1081/QĐ-UBND ngày 04/7/2024 của UBND tỉnh)

1. Thực hiện nhiệm vụ thu ngân sách nhà nước

Tổng thu ngân sách nhà nước (NSNN) 6 tháng ước thực hiện 13.924,9 tỷ đồng, đạt 71,4% dự toán năm, bằng 106,3% so với cùng kỳ năm 2023.

Tổng thu ngân sách địa phương (NSDP) 6 tháng ước thực hiện 13.306 tỷ đồng, đạt 74,4% dự toán năm, bằng 110,5% so với cùng kỳ năm 2023.

Thực hiện thu ngân sách ở một số lĩnh vực như sau:

- Thu nội địa: 6 tháng ước thực hiện 4.530,2 tỷ đồng, đạt 52,6% dự toán năm, bằng 135,8% so với cùng kỳ năm 2023.

- Thu chuyên nguồn năm trước sang: 4.008,7 tỷ đồng.

- Thu bổ sung từ ngân sách Trung ương: 6 tháng ước thực hiện 4.807,3 tỷ đồng, đạt 50% dự toán năm.

- Thu thuế xuất, nhập khẩu: 6 tháng ước thực hiện 490 tỷ đồng, đạt 38,6% dự toán năm, bằng 54,2% so với cùng kỳ năm 2023.

2. Thực hiện nhiệm vụ chi ngân sách địa phương

Tổng chi NSDP 6 tháng ước thực hiện 8.243,1 tỷ đồng, đạt 46% dự toán năm, bằng 104% so với cùng kỳ năm 2023, trong đó:

2.1. Chi đầu tư phát triển: ước thực hiện 3.331,4 tỷ đồng, đạt 66% dự toán năm, bằng 88% so với cùng kỳ năm 2023.

2.2. Chi tiêu dùng thường xuyên: ước thực hiện 4.798,2 tỷ đồng, đạt 39% dự toán năm, bằng 123% so với cùng kỳ năm 2023, cụ thể:

Sự nghiệp kinh tế ước thực hiện 363,3 tỷ đồng, đạt 32% dự toán năm; sự nghiệp tài nguyên và môi trường ước thực hiện 66,2 tỷ đồng, đạt 12% dự toán năm; sự nghiệp khoa học công nghệ ước thực hiện 17,1 tỷ đồng, đạt 48% dự toán năm; chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề ước thực hiện 1.984,5 tỷ đồng, đạt 41% dự toán năm; chi sự nghiệp văn hoá thể thao du lịch ước thực hiện 65,4 tỷ đồng, đạt 40% dự toán năm; sự nghiệp y tế, dân số kế hoạch hóa gia đình ước thực hiện 408 tỷ đồng, đạt 44% dự toán năm; chi đảm bảo xã hội ước thực hiện 663,4 tỷ đồng, đạt 33% dự toán năm; chi quản lý hành chính ước thực hiện 995,9 tỷ đồng, đạt 50% dự toán năm./.